**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM**

**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**



**MÔN HỌC:**

**NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC LÊNIN**

**TIỂU LUẬN**

**Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức và vận dụng mối quan hệ này để tìm hiểu công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay**

**GVHD**: **ThS. Chu Thị Hiền**

**SVTH:**

1. Vũ Đức Thắng 22861041

2. Phạm Minh Tân 22861038

3. Lương Văn Hoàng 22861025

4. Nguyễn Minh Lộc 22861030

**Mã lớp học**: LLCT130105\_15 – 22LC61SP3L

Thành phố Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2023

**LỜI CẢM ƠN**

Lời đầu tiên, nhóm chúng em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Chu Thị Hiền đã luôn tâm huyết truyền tải những bài học hay và bổ ích của bộ môn “Triết học Mác-Lênin” đến sinh viên. Những bài giảng của cô đã giúp ích cho chúng em rất nhiều trong khi hoàn thành tiểu luận này và cả cuộc sống sau này.

Cảm ơn Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật và Khoa Điện Tử đã tạo cơ hội cho sinh viên chúng em được học tập và trải nghiệm bộ môn “Triết học Mác-Lênin” này. Đây chắc chắn sẽ là nền tảng vững chắc về kiến thức xã hội trước khi bước vào những môn học chuyên ngành.

Tuy nhóm chúng em đã dành nhiều thời gian nghiên cứu, tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học vào bài tiểu luận một cách tốt nhất nhưng chắc chắn sẽ còn một chút sai sót. Hy vọng sẽ được cô nhận xét và góp ý để nhóm có thể hoàn thiện bài tốt hơn trong tương lai.

Chúng em xin chân thành cảm ơn,

Nhóm 7

**NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN**

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

.............................................................................................................................

Điểm: ……………………………..

**GIẢNG VIÊN**

**Chu Thị Hiền**

MỤC LỤC

**PHẦN MỞ**

**ĐẦU**:……………………………………………………………..…...1

[1. Lý do chọn đề tài](#page4) : ……………………………………………………………[1](#page4)

[2. Mục tiêu nghiên cứu](#page4) : ………………………………………………………...[1](#page4)

**Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC**

1

[1. VẬT CHẤT](#page6)

* 1. Định nghĩa vật chất
  2. Các đặc tính của vật chất
  3. Tính thống nhất của vật chất

[2. Ý THỨC](#page10)

2.1 Nguồn gốc của ý thức

2.2 Kết cấu của ý thức

2.3 Bản chất của ý thức

[3. MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC](#page14)

**Chương 2: Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức và vận dụng mối quan hệ này để tìm hiểu công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay**

1.1 Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức

1.2 **Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức vào mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị:**

### **1.3 Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong việc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay**

1.4 kết luận

**KẾT LUẬN**……………………………………………………………..…...

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**…………………………………………………

**PHẦN MỞ ĐẦU**

**1. Lý do chọn đề tài**

Việt Nam chúng ta - một đất nước đang phát triển đã bỏ qua chế độ chủ nghĩa tư bản và đi lên chủ nghĩa xã hội với mong muốn xoá bỏ những áp bức bóc lột, giúp con người phát triển toàn diện. Ngoài ra, trong thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Nhà nước ta vừa phải giữ vững độc lập tự chủ vừa phải mở rộng mối quan hệ với các nước trên thế giới. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đời sống xã hội được thúc đẩy nhờ vào sự phát triển nhanh chóng của các cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Các nước phát triển từ đó cũng tạo được ưu thế về vốn công nghệ thị trường. Ngược lại các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước nhiều thách thức to lớn, mang nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực.

Cùng với xu thế phát triển của thời đại, Đảng và Nhà nước ta tiếp tục tiến hành cuộc đổi mới toàn diện về chính trị , kinh tế , văn hóa ,xã hội,... Đảng và Nhà nước ta đã áp dụng chủ nghĩa Mac-lênin & tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm được quy luật định ra đường lối, phương châm cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa sao phù hợp. Trong đó, đổi mới kinh tế đóng vai trò then chốt và là một vấn đề cấp bách. Để làm được điều này, chúng ta cần vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức giúp cho công cuộc đổi mới của đất nước ngày càng giàu mạnh.

Là một thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng, những người đại diện cho tầng lớp người chủ nhân tương lai của đất nước, nhóm chúng em đã chọn đề tài “Mối quan hệ biện chững giữa vật chất với ý thức và vận dụng mối quan hệ này để tìm hiểu công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay” để có một cái nhìn rõ hơn về mối quan hệ này.

**2. Mục tiêu nghiên cứu**

Giúp đỡ cho các sinh viên nghiên cứu sâu và kỹ hơn về quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-lênin về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức cũng như sự vận dụng vào quá trình đổi mới của đất nước ta. Bên cạnh đó tìm ra những giải pháp tối ưu lối sống sinh viên trở nên tích cực lành mạnh hơn.

**CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC**

## **1. VẬT CHẤT**

[**1.1 ĐỊNH NGHĨA CỦA VẬT CHẤT**](#page6)

Vật chất là phạm trù rất phức tạp và có rất nhiều quan niệm khác nhau về vật chất đứng trên các giác độ khác nhau. Nhưng theo Lênin định nghĩa: " Vật chất là phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh, tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.

Lênin chỉ rõ rằng, để định nghĩa vật chất, không thể làm theo cách thông thường là quy một khái niệm cần định nghĩa sang một khái niệm khác rộng hơn vì khái niệm vật chất là một khái niệm rộng nhất. Để định nghĩa vật chất, Lênin đó đối lập vật chất với ý thức, hiểu vật chất là thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, vất chất tồn tại độc lập đối với cảm giác, với ý thức, còn cảm giác, ý thức phụ thuộc vào vật chất, phản ánh vật chất.

Khi định nghĩa:" Vật chất là một phạm trù triết học", Lênin một mặt muốn chỉ rõ vật chất là một khái niệm rộng nhất, rộng vô hạn, muốn phân biệt vật chất với tư cách là một phạm trù triết học, là kết quả của sự khái quát và trừu tượng, với những dạng vật chất cụ thể, với những "hạt nhỏ" cảm tính. Vật chất với tư cách là phạm trù triết học không có những đặc tính cụ thể có thể cảm thụ được. Định nghĩa vật chất như vậy khắc phục được những quan niệm siêu hình của chủ nghĩa duy vật cũ, đồng nhất vật chất với hình thức biểu hiện cụ thể của nó.

Lênin đã cho rằng bản chất vốn nó cú tự cú, khụng do ai sinh ra, không thể tiêu diệt được, nó tồn tại bên ngoài và không lệ thuộc vào cảm giác, ý thức con người, vật chất là một thực tại khách quan, khác với quan niệm:" Ý niệm tuyệt đối". của chủ nghĩa duy tâm khách quan" Thượng đế"của tôn giáo. "Vật tự nó không thể nắm được" của thuyết không thể biết, vật chất không phải là lực lượng siêu tự nhiên tồn tại lơ lửng ở đâu đó. Trái lại phạm trù vật chất là kết quả của sự khái quát các sự vật, hiện tượng có thật, hiện thực, và do đó các đối tượng vật chất có thật, hiện thực đó có khả năng tác động vào giác quan để gây ra cảm giác và nhờ đó mà ta có thể biết được, nắm bắt được đối tượng này. Định nghĩa vật chất của Lênin đó khẳng định được câu trả lời của chủ nghĩa duy vật về cả hai mặt cơ bản của triờt học, phân biệt về chủ nghĩa duy tâm chủ quan và chủ nghĩa duy tâm khách quan cũng như thuyết không thể biết.

Hơn thế nữa Lênin cũn khẳng định, cảm giác chép lai chụp lại phản ánh vật chất, nhưng vật chất tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác. Khẳng định như vậy một mặt Lênin muốn nhất mạnh tính thứ nhất của vật chất, vai trò quyết định của nó với ý thức, và mặt khác khẳng định phương pháp và khả năng nhận thức thế giới khách quan của con người. Điều này không chỉ phân biệt chủ nghĩa duy vật, với chủ nghĩa duy tâm, với thuyết không thể biết mà còn phân biệt chủ nghĩa duy vật với nhị nguyên luận.

Như vậy, chúng ta thấy rằng định nghĩa vật chất của Lênin là một định nghĩa toàn diện và triệt để nó giải đáp được cả hai mặt vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phân biệt về nguyên tắc với chủ nghĩa duy tâm, bất khả trị luận, nhị nguyên luận. Đồng thời nó cũn khắc phục thiếu sót, siêu hình, hẹp hòi trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật cũ.

Định nghĩa vật chất của Lênin cũng giúp chúng ta nhân tố vật chất trong đời sống xã hội, đó là tồn tại xã hội, và nó cũn có ý nghĩa trực tiếp định hướng trong nghiên cứu khoa học tự nhiên, giúp khoa học tự nhiên ngày càng đi sâu vào nghiên cứu dạng cụ thể của vật chất trong giới vĩ mô. Nó cũn giỳp chúng ta có thái độ khách quan và đòi hỏi chúng ta phải xuất phát từ thực tế khách quan trong suy nghĩ và hành động.

[**1.2. CÁC ĐẶC TÍNH CỦA VẬT CHẤT**](#page7)

Vận động là phương thức tồn tại của vật chất và là thuộc tính cố hữu của vật chất.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng vận động là mọi sự biến đổi nói chung chứ không phải là sự chuyển dịnh vị trí trong không gian, Anghen cho rằng vận động là một phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất nó bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy. Vận động có nhiều hình thức trong đó có 5 hình thức vận động cơ bản: Thứ nhất vận động cơ học( Di chuyển vị trí của các vật thể trong không gian); thứ hai: vận động vật lớ(vận động của các phân tử, các hạt cơ bản, vận động điện tử, các quá trình điện nhiệt…);thứ ba:vận động hoá học(vận động của các nguyên tử, các quá trình hoá hợp và phân giải các chất);thữ tư:vận động sinh học(trao đổi chất giữa cơ thể sống và môi trường); thứ năm:vận động xã hội(Sự biến đổi thay thế của các hình thái kinh tế xã hội). Các hình thức vận động đều quan hệ chặt chẽ với nhau. Một hình thức vận động nào đó được thực hiện là do sự tác động qua lại với các hình thức vận động khác trong đó những hình thức vận động cao bao giờ cũng bao hàm những hình thức vận động thấp hơn, nhưng cũng không thể coi hình thức vận động cao là tổng số đơn giản các hình thức vận động thấp. Mỗi sự vật, hiện tượng có thể gắn với nhiều hình thức vận động nhưng bao giờ cũng được đặc trưng bằng một hình thức vận động cơ bản.

Thế giới vật chất bao giờ cũng ở trong quá trình vận động không ngừng. Không thể có vật chất không vận động, tức là vật chất tồn tại bằng cách vận động và thông qua vận động mà biểu hiện sự tồn tại của mình. Hay nói cách khác vận động là phương thức tồn tại của vật chất. Anghen nhận định rằng và các rạng khác nhau của vật chất chỉ có thể tồn tại thông qua vận động chỉ thông qua vận động mới có thể thấy được thuộc tính của vật thể. Trong thế giới vật chất từ các hạt cơ bản đến thế giới vi mô đến các hệ thống hành tinh khổng lồ trong thế giới vĩ mô từ vô cơ đến hữu cơ, đến xã hội loài người, tất cả luôn ở trạng thái vận động. Bất cứ một dạng vật chất nào cũng là một thể thống nhất có kết cấu xác định gồm những nhân tố, những bộ phận, những xu hướng khác nhau, cùng tồn tại, ảnh hưởng và tác động lẫn nhau. Sự tác động qua lại đó gây ra biến đổi. Nguồn gốc của vận động là do những nguyên nhân bên trong, vận động của vật chất là tự thân vận động.

Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất, không thể có vận động bên ngoài vật chất, vận động không do ai sáng tạo ra và không thể tiêu diệt được do đó vận động được bảo toàn cả về số lượng lẫn chất lượng. Khoa học đã chứng minh rằng nếu một hình thức vận động nao đó của sự vật nhất định mất đi thì tất yếu nó nảy sinh ra một hình thức vận động khác thay thế nó. Cỏc hình thức vận động chuyển hoá lẫn nhau, còn vận động của vật chất nói chung thì vĩnh viễn tồn tai với sự tồn tại vĩnh viễn của vật chất.

Mặc dù vật chất luôn ở trong quá trình vận động không ngừng nhưng điều đó không loại trừ mà còn bao hàm cả hiện tượng đứng im tương đối không có hiện tượng đứng im tương đối thì không có sự phân hóa thế giới vật chất thành các sự vật và hiện tượng phong phú và đa dạng. Anghen khẳng định rằng khả năng đứng im tương đối của các vật thể, khả năng cân bằng tạm thời là những điều kiện chủ yếu của sự phõn hoỏ vật chất. Nếu vận động là sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng thì sự đứng im là sự ổn định, là sự bảo toàn tính qui định của các sự vật hiện tượng. Đứng Im chỉ biểu hiện của một trạng thái vận động, vận động trong thăng bằng, trong sự ổn định tương đối. Trạng thái đứng im còn được biểu hiện như là một quá trình vận động trong phạm vi của sự ổn định, chưa biến đổi. Đứng im chỉ là tạm thời vỡ nó chỉ xảy ra trong một thời gian nhất định. Vận động riêng biệt có xu hướng chuyển thành cân bằng nhưng vận động toàn thể lại phân loại sự cân bằng riêng biệt thành các sự vật, hiện tượng luôn thay đổi chuyển hoá cho nhau.

Không gian và thời gian là những hình thức tồn tại của vật chất. Không gian phản ánh thuộc tính của các đối tượng vật chất có vị trí, có hình hình thức kết cấu, có độ dài, ngắn, cao, thấp. Không gian biểu hiện sự cùng tồn tại và tách biệt của các sự vật với nhau, biểu hiện khoảng tính của chúng, trật tự phân bố chúng. Còn thời gian phản ánh thuộc tính của các quá trình vật chất diễn ra nhanh hay chậm, kế tiếp nhau theo một trật tự nhất định. Thời gian biểu hiện tốc độ và trình tự diễn biến của các quá trình vật chất, tính cách biệt giữa các giai đoạn khác nhau của các quá trình đó, sự xuất hiện và mất đi của các sự vật hiên tượng.

Không gian và thời gian là hình cơ bản của vật chất đang vận động. Lênin đó chỉ ra trong thế giới, không có gì ngoài vật chất đang vận động, và vật chất đang vận động không thể vận động ở đâu ngoài không gian và thời gian. Không gian và thời gian là tồn tại khách quan. Nó không phải là hình thức chủ quan để xếp chặt các cảm giác mà ta thu nhận một cách lộn xộn như chủ nghĩa duy tâm quan niệm, cũng như nó không thể đứng ngoài vật chất. Không có không gian trống rỗng. Không gian và thời gian không phải là bất biến, tuyệt đối, mà trái lại không gian và thời gian có sự biến đổi phụ thuộc vật chất vận động.

**1.3Tính thống nhất của vật chất**

Chủ nghĩa duy tâm coi ý thức, tinh thần có trước, quyết định vật chất, do đó cũng cho rằng thế giới thống nhất ở tinh thần. Còn chủ nghĩa duy vật biện chứng lại khẳng định rằng, tính thống nhất chân chính của thế giới là ở tính vật chất của nó. Triết học Mỏc- Lênin khẳng định chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất, không có thế giới tinh thần. Thế giới thần ninh ma quỷ tồn tại ở đâu đó bên trên, bên dưới ở trong hay ở ngoài thế giới vật chất. Đồng thời còn khẳng định rằng các bộ phận thế giới đều là những dạng cụ thể của vật chất, có liên hệ vật chất thống nhất với nhau như liên hệ về cơ cấu tổ chức, liên hệ về lịch sử phát triển và đều phải luôn tuân thủ theo những qui luật khách quan của thế giới vật chất. Do đó thế giới vật chất tồn tại vĩnh viễn, vô hạn, vô tận không do ai sinh ra và cũng không mất đi trong thế giới đó không có cái gì khác ngoài những quá trình vật chất đang biến đổi và chuyển hoá lẫn nhau, là nguyên nhân và là kết quả của nhau.

[**2. Ý THỨC**](#page10)

[2.1](#page10) Nguồn gốc của ý thức

2.1.1 Nguồn gốc tự nhiên

Nguồn gốc tự nhiên của ý thức được tạo bởi các yếu tố tự nhiên từ ý thức chính là bộ óc và sự hoạt động cùng các mối quan hệ thế giới khách quan và con người được nhận định là các yếu tố tự nhiên là sự bắt nguồn và cũng là nguồn gốc tự nhiên của ý thức. Sự hình thành ý thức từ con người đối với thế giới khách quan là do có sự tác động của thế giới khách quan tới bộ óc của con người tạo ra khả năng về sự hình thành. Hoạt động của bộ óc con người sẽ dần dần giúp cho con người hình thành các mối quan hệ giữa con người thế giới khác quan; từ đó chính những sự vật, sự việc xuất phát từ thực tiến sẽ tạo ra cho con người những sự sáng tạo, năng động. Não bộ chính là bộ phận điều chỉnh hành vi của con người và ý thức chính là một thuộc tính có tổ chức cao của bộ não là chức năng, kết quả sau quá trình liên kết và hoạt động của bộ não để tạo ra kết quả cuối cùng là hành vi của con người. Một bộ não hoàn thiện chính là phát triển đầy đủ sẽ tác động đến ý thức của con người cũng sẽ trở nên phong phú và sâu sắc hơn.

2.1.2 Nguồn gốc xã hội

Ý thức là sự phản ánh thế giới bởi bộ óc của con người là sự khác biệt về chất so với động vật. Do sự phản ánh đó mang tính xã hội, sự ra đời của ý thức gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ óc dưới ảnh hưởng của lao động, của giao tiếp và các quan hệ xã hội. Để cho ý thức ra đời, những tiền đề, nguồn gốc tự nhiên là rất quan trọng, không thể thiếu. Điều kiện quyết định cho sự ra đời của ý thức là những tiền đề, nguồn gốc xã hội. Ý thức ra đời cùng với quá trình hình thành bộ óc con người nhờ lao động, ngôn ngữ và những quan hệ xã hội. Quá trình hình thành ý thức không phải là quá trình con người thu nhận thụ động. Nhờ có lao động con người tác động vào các đối tượng hiện thực, bắt chúng phải bộc lộ những thuộc tính, những kết cấu, những quy luật vận động của mình thành những hiện tượng nhất định và các hiện tượng này tác động vào bộ óc con người.

**2.2 Kết cấu của ý thức**

Cũng như vật chất có rất nhiều các quan niệm về ý thức theo các trường phái khác nhau. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật ở đây khẳng định rằng ý thức là đặc tính là sản phẩm của vật chất, ý thức là sự phản ánh thế giới khách quan vào bộ óc của con người thông qua lao động và ngôn ngữ. Mác nhấn mạnh rằng tinh thần, ý thức chẳng qua là cái vật chất được di chuyển vào bộ óc của con người và được cải biến ở trong đó.

Ý thức là một hiện tõm lớ xã hội có kết cấu phức tạp bao gồm ý thức, tri thức, tìm cảm, ý chí trong đó tri thức là quan trong nhất là phương thức tồn tại của ý thức.

Tri thức là phương thức tồn tại của ý thức vì sự hình thành và phát triển của ý thức có liên quan mật thiết với nhau trong quá trình nhận thức của con người và cải biến thế giới tự nhiên. Tri thức càng được tích luỹ con người ngày càng đi sâu vào bản chất sự vật và cải tạo sự vật có hiệu quả hơn, tính năng động của ý thức cũng nhờ đó mà tăng hơn. Việc nhấn mạnh tri thức là yếu tố cơ bản, quan trọng nhất của ý thức có ý nghĩa chống quan điểm giản đơn coi ý thức chỉ là tình cảm niềm tin, ý chí. Quan điểm đú chớnh là biểu hiện của bệnh chủ quan duy ý chí, của niềm tin mù quáng, của sự tưởng tượng chủ quan. Tuy nhiên việc nhấn mạnh yếu tố tri thức cũng không đồng nghĩa với việc phủ nhận và coi nhẹ vai trò của các nhân tố tình cảm ý chí.

Tự ý thức cũng là một yếu tố quan trọng của ý thức. Chủ nghĩa duy tâm coi tự ý thức là một thực thể độc lập, tự nó, có sẵn trong các cá nhân, biểu hiện quan hệ xã hội. Trái lại chủ nghĩa duy vật biện chứng cho rằng tự ý thức là ý thức hướng về nhận thức bản thân mình thông qua quan hệ thế giới bên ngoài. Khi phản ánh thế giới khách quan, con người tự phân biệt mình, đối lập mình với thế giới đó và tự nhận thức minh như là một thực thể hoạt động, có cảm giác, có tư duy, cú cỏc hành vi đạo đức và có vị trí xã hội. Mặt khác sự giao tiếp xã hội và hoạt động thực tiễn xã hội đòi hỏi con người phải nhận rõ bản thân mình và tự điều chỉnh bản thân mình theo các qui tắc, các tiêu chuẩn mà xã hội đề ra. Ngoài ra văn hoá cũng đóng vai trũ "Cỏi gương soi" giúp cho con người tự ý thức được bản thân.

Vô thức là một hiện tượng tõm lớ nhưng có liên quan đến những hoạt động xảy ra ở ngoài phạm vi của ý thức. Có hai loai vô thức: Loại thứ nhất liên quan đến hành vi chưa được con người ý thức; loai thứ hai liên quan đến các hành vi trước kia đã được ý thức nhưng do lặp lại nờn đó trở thành thói quen, có thể diễn ra " Tự động" bên ngoài sư chỉ đạo của ý thức. Vô thức ảnh hưởng đến nhiều phạm vi hoạt động của con người. Trong những hoàn cảnh nào đó nó có thể giúp con người bớt sự căng thẳng trong hoạt động. Việc tăng cương rèn luyện để biến những hành vi tích cực thành thói quen và có vai trò rất quan trong đời sống của con người.

Trong con người ý thức vẫn là cái chủ đạo cái quyết định trong hành vi cá nhân.

**2.3 Bản chất của ý thức**

Từ việc xem xét nguồn gốc của ý thức, có thể thấy rõ ý thức có bản tính phản ánh, sáng tạo và bản tính xã hội.

Bản tính phản ánh thể hiện thông tin về thế giới bên ngoài là biểu thị nội dung nhân được từ vật gây ra tác động và được truyền đi trong quá trình phản ánh. Bản tính của phản ánh qui định mặt khách quan của ý thức, tức là ý thức phải lấy cái khách quan làm tiền đề, bị cái khách quan qui định và có nội dung phản ánh là thế giới khách quan.

Ý thức ngay từ đầu đã gắn liền lao động, với hoạt động sáng tạo cải biến và thống trị tự nhiên của con người và đã trở thành mặt không thể thiếu được của hoạt động đú. Tớnh sáng tạo của ý thức thể hiện ở chỗ nó khụng chụp lại một cách thụ động, nguyên xi sự vật mà phản ánh gắn liền với cải biến, quá trình thu thập thông tin gắn liền với xử lí thông tin. Tính sáng tạo của ý thức còn thể hiện ở khả năng gián tiếp khái quát thế giới khách quan, ở quá trình chủ động tác động vào thế giới để phản ánh thế giới đó.

Phản ánh và sáng tạo liên quan chặt chẽ với nhau không thể tách rời. Không cú phản ánh thì không có sáng tạo vì phản ánh là điểm xuất phát là cơ sở sáng tạo. Ngược lại không có sự sáng tạo thì không phải là phản ánh ý thức. Đó là mối quan hệ biện chứng giữa hai quá trình thu nhập và xử lí thông tin, là sự thống nhất giữa mặt khách quan và chủ quan trong ý thức.

Ý thức chỉ được nảy sinh trong lao động, trong hoạt động cải tạo thế giới của con người. Hoạt động đó không phải là hoạt động đơn lẻ mà là hoạt động xã hội. Do ý thức ngay từ đầu đã là sản phẩm của xã hội. Ý thức trước hết là tri thức của con người về xã hội và hoàn cảnh, về những gì đang diễn ra ở thế giới khách quan, về mối liên hệ giưa người và người trong xã hội. Do đó ý thức xã hội hình thành và bị chi phối bởi tồn tại xã hội cựng cỏc qui luật tồn tại của xã hội đú…Và ý thức của mỗi cá nhân mang trong lòng của ý thức xã hội. Bản thống nhất nó thể hiện ở tính năng động chủ quan của ý thức, ở mối quan hệ giữa nhân tố vật chất và nhân tố ý thức trong hoạt động cải tao thế giới của con người.

[**3. MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC**](#page14)

Lênin đã chỉ ra rằng, sự đối lập giữa vật chất và ý thức có nghĩa tuyệt đối trong phạm vi hết sức hạn chế: Trong trường hợp này, chỉ giới hạn trong vấn đề nhận thức luận cơ bản là thừa nhận cái gì có trước và cái gì có sau. Ngoài giới hạn đú thỡ không còn nghi ngờ gì nữa sự đối lập đó chỉ là tương đối. Như vậy, để phân ranh giới chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, để xác định bản tính và thống nhất của thế giới, cần có sự đối lập tuyệt đối giữa vật chất và ý thức trong khi trả lời câu hỏi cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào. Không như vậy sẽ lẫn lộn hai đường lối cơ bản trong triết học, lẫn lộn vật chất với ý thức và cuối cùng sẽ xa dời quan điểm duy vật. Song sự đối lập giữa vật chất và ý thức chỉ là tương đối nếu như chúng ta xột chúng như là những nguyên tố, những mặt không thể thiếu được trong hoạt động của con người, đặc biệt là hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới của con người. Bởi vì, ý thức tự nó không thể cải biến được sự vật, không có khả năng tự biến thành hiện thực.

Nhưng thông qua hoạt động thực tiễn của con người, ý thức có thể cải biết được tự nhiên, thâm nhập vào sự vật, hiện thực hoá những mục đích mà nó đề ra cho hoạt động của mình. Điều này bắt nguồn từ chính ngay bản tính phản ánh sáng tạo và xã hội của ý thức và chính nhờ bản tính đó mà chỉ có con người có ý thức mới có khả năng cải biến và thống trị tự nhiên, biến tự nhiên xa lạ, hoang dã, thanh tự nhiên trù phú, sinh động, tự nhiên của con người. Như vậy, tính tương đối trong sự đối lập giữa vật chất và ý thức thể hiện ở tính độc lập tương đối, tính năng động của ý thức. Mặt khác, đời sống con người là sự thống nhất không thể tách rời giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần trong đó những nhu cầu tinh thần ngày càng phong phú và đa dạng và những nhu cầu vật chất cũng bị tinh thần hoá. Khẳng định tính tương đối của sự đối lập giữa vật chất và ý thức không có ý nghĩa là khẳng định rằng cả hai nhân tố có vai trò như nhau trong đời sống và hoạt động của con người. Trái lại, triết học Mác-Lênin khẳng định rằng, trong hoạt động của con người, những nhân tố vật chất và ý thức có tác động qua lại, song sự tác động đó diễn ra trên cơ sở tính thứ nhất của nhân tố vật chất so với tính thứ hai của nhân tố ý thức.

Trong hoạt động của con người, những nhu cầu vật chất xét đến cùng bao giờ cũng giữ vai trò quyết định, chi phối và qui định hoạt động của con người vì nhân tố vật chất qui định khả năng các nhân tố tinh thần có thể tham gia vào hoạt động của con người, tạo điều kiện cho nhân tố tinh thần hoặc nhân tố tinh thần khác biến thành hiện thực và qua đó qui định mục đích chủ trương biện pháp mà con người đề ra cho hoạt động của mình bằng cách chọn lọc, sửa chữa bổ sung, cụ thể hoá mục đích, chủ trương, biện pháp đó. Hoạt động nhận thức của con người bao giờ cũng hướng đến mục tiêu để biến tự nhiên nhằm thoả mãn nhu cầu cuộc sống, hơn nữa, cuộc sống tinh thần của con người xét đến cùng bị chi phối và phụ thuộc vào việc thoả mãn nhu cầu vật chất và vào những điều kiện vật chất hiện có. Khẳng định vai trò cơ sở, quyết định trực tiếp của nhân tố vật chất, triết học Mác- Lênin đồng thời cũng không coi nhẹ vai trò của nhân tố tinh thần, của tính năng động chủ quan. Nhân tố ý thức có tác dụng trở lại quan trọng đối với nhân tố vật chất. Hơn nữa, trong hoạt động của mình con người không thể để cho thế giới khách quan, quy luật khách quan chi phối mà chủ động hướng nó đi theo con đường có lợi của mỡnh.í thức con người không thể tạo ra các đối tượng vật chất, cũng không thể thay đổi qui luật vận động của nó. Do đó, trong quá trình hoạt động của mình, con người phải tuân theo qui luật khách quan và chỉ có thể đề ra những mục đích, chủ trương trong phạm vi hoàn cảnh vật chất cho phép.

**Chương 2: Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức và vận dụng mối quan hệ này để tìm hiểu công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay**

* 1. **Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất với ý thức**

Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ biện chứng mà trong đó vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức và quyết định ý thức nhưng không thụ động mà có thể tác động trở lại vật chất qua hoạt động của con người.

### ***Thứ nhất: Vật chất có vai trò quyết định ý thức***

Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định: Vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định ý thức vì:

Ý thức là sản phẩm của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người nên chỉ khi có con người mới có ý thức. Trong mối quan hệ giữa con người với thế giới vật chất thì con người là kết quả quá trình phát triển lâu dài của thế giới vật chất, là sản phẩm của thế giới vật chất. Kết luận này đã được chứng minh bởi sự phát triển hết sức lâu dài của khoa học về giới tự nhiên; nó là một bằng chứng khoa học chứng minh quan điểm: vật chất có trước, ý thức có sau.

Các yếu tố tạo thành nguồn gốc tự nhiên, nguồn gốc xã hội của ý thức (bộ óc người, thế giới khách quan tác động đến bộ óc gây ra các hiện tượng phản ánh, lao động, ngôn ngữ), hoặc là chính bản thân thế giới vật chất (thế giới khách quan), hoặc là những dạng tồn tại của vật chất (bộ óc người, hiện tượng phản ảnh, lao động, ngôn ngữ) đã khẳng định vật chất là nguồn gốc của ý thức.

Ý thức là sự phản ánh thế giới vật chất, là hình ảnh chủ quan về thế giới vật chất nên nội dung của ý thức được quyết định bởi vật chất. Sự vận động và phát triển của ý thức, hình thức biểu hiện của ý thức bị các quy luật sinh học, các quy luật xã hội và sự tác động của môi trường sống quyết định. Những yếu tố này thuộc lĩnh vực vật chất nên vật chất không chỉ quyết định nội dung mà còn quyết định cả hình thức biểu hiện cũng như mọi sự biến đổi của ý thức.

### ***Thứ hai: Ý thức tác động trở lại vật chất***

Trong mối quan hệ với vật chất, ý thức có thể tác động trở lại vật chất thông qua hoạt động thực tiễn của con người.

Vì ý thức là ý thức của con người nên nói đến vai trò của ý thức là nói đến vai trò của con người. Bản thân ý thức tự nó không trực tiếp thay đổi được gì trong hiện thực. Muốn thay đổi hiện thực, con người phải tiến hành những hoạt động vật chất. Song, mọi hoạt động của con người đều do ý thức chỉ đạo, nên vai trò của ý thức không phải trực tiếp tạo ra hay thay đổi thế giới vật chất mà nó trang bị cho con người tri thức về thực tại khách quan, trên cơ sở ấy con người xác định mục tiêu, đề ra phương huớng, xây dựng kế hoạch, lựa chọn phương pháp, biện pháp, công cụ, phương tiện, v.v. để thực hiện mục tiêu của mình. Ở đây, ý thức đã thể hiện sự tác động của mình đối với vật chất thông qua hoạt động thực tiền của con người.Sự tác động trở lại của ý thức đối với vật chất diễn ra theo hai hướng: tích cực hoặc tiêu cực. Nếu con người nhận thức đúng, có tri thức khoa học, có tình cảm cách mạng, có nghị lực, có ý chí thì hành động của con người phù hợp với các quy luật khách quan, con người có năng lực vượt qua những thách thức trong quá trình thực hiện mục đích của mình, thế giới được cải tạo – đó là sự tác động tích cực cúa ý thức. Còn nếu ý thức của con người phản ánh không đúng hiện thực khách quan, bản chất, quy luật khách quan thì ngay từ đầu, hướng hành động của con người đã đi ngược lại các quy luật khách quan, hành động ấy sẽ có tác dụng tiêu cực đổi với hoạt động thực tiễn, đối với hiện thực khách quan.Như vậy, bằng việc định hướng cho hoạt động của con người, ý thức có thế quyết định hành động của con người, hoạt động thực tiễn của con người đúng hay sai, thành công hay thất bại, hiệu quả hay không hiệu quả.Tìm hiểu về vật chất, về nguồn gốc, bản chất của ý thức, về vai trò của vật chất, của ý thức có thể thấy: vật chất là nguồn gốc của ý thức, quyết định nội dung và khả năng sáng tạo ý thức; là điều kiện tiên quyết để thực hiện ý thức; ý thức chỉ có khả năng tác động trở lại vật chất, sự tác động ấy không phải tự thân mà phải thông qua hoạt động thực tiễn (hoạt động vật chất) của con người. Sức mạnh của ý thức trong sự tác động này phụ thuộc vào trình độ phản ánh của ý thức, mức độ thâm nhập của ý thức vào những người hành động, trình độ tổ chức của con người và những điều kiện vật chất, hoàn cảnh vật chất, trong đó con người hành động theo định hướng của ý thức.

### **1.2 Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức vào mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị:**

Như chúng ta đã biết, giữa vật chất và ý thức có mối quan hệ biện chứng lẫn nhau. Nhân tố vật chất giữ vai trò là cơ sở, quyết định, còn nhân tố ý thức là có tác dụng trở lại đối với nhân tố vật chất. Trong nhiều trường hợp, nhân tố ý thức có tác dụng quyết định đến sự thành bại của hoạt động con người. Điều này thể hiện rõ trong tác động của đường lối, các chủ trương, chính sách đổi mới kinh tế của Đảng. Song xét đến cùng, tác động của ý thức có tính tương đối, có điều kiện. Vai trò tích cực hay tiêu cực của ý thức chỉ được trong một thời gian nhất định và điều kiện cụ thể.Vì thế giới vẫn tồn tại khách quan và vận động theo qui luật khách quan đòi hỏi ý thức phải biến đổi phù hợp với nó, và nếu là tiêu cực, ý thức sớm muộn sẽ bị đào thải. Mặt khác, ý thức là cỏi cú sau, là cái phản ánh, hơn nữa vai trò của nó còn tuỳ thuộc vào mức độ chính xác trong quá trình phản ánh hiện thực. Do vậy, xét toàn cục, ý thức chỉ có được nếu nó thâm nhập vào quần chúng và tổ chức hoạt động.Nếu như chúng ta đưa nó vào những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, thì chúng ta có thể thấy rằng, giữa kinh tế ( biểu hiện của vật chất) và chính trị ( biểu hiện về ý thức) cũng có mối quan hệ rằng buộc với nhau. Bởi vì, chúng ta thấy rằng, tình hình kinh tế của một nước là cơ sở, là quyết định, song chính trị là cơ bản. Nếu kinh tế của một nước giàu mạnh, nhưng chính trị không ổn định, đấu tranh giai cấp, tôn giáo giữa các Đảng phái khác nhau.v.v…thì đất nước đó cũng không thể trở nên yên ấm và tồn tại lâu dài được, cuộc sống của nhân dân tuy sung túc, đầy đủ nhưng luôn phải sống trong lo âu, sợ hãi vì nội chiến, chết chóc.Do đó, nếu chính trị của một nước mà ổn định, tuy nhiều Đảng khác nhau nhưng vẫn qui về một chính Đảng thống nhất đất nước, và Đảng này vẫn đem lại sự yên ấm cho nhân dân, thì nếu đất nước đó giàu thì cuộc sống của nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc, ngược lại nếu như nước đó nghèo thì cho dù chính trị ổn định đến đâu thì cuộc sống của nhân dân sẽ trở nên khó khăn và sẽ dẫn đến đảo chính, sự sụp đổ chính quyền để thay thế một chính quyền mới đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân hơn.Mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị thay đổi tuỳ theo từng hình thái kinh tế xã hội. Con người trải qua năm hình thái xã hội: thời kỳ nguyên thuỷ, nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Trình độ tổ chức quản lí và tính chất hiện đại của nền sản xuất sẽ là nhân tố qui định trình độ hiện đại và mức sống của xã hội. Sản xuất vật chất còn là nền tảng hình thành tất cả các quan hệ xã hội và đời sống tinh thần của xã hội. Hiện thực lịch sử đã chỉ ra rằng, mọi quan hệ của đời sống xã hội bao gồm quan hệ chính trị. Nhà nước pháp quyền, đạo đức, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo… đều hình thành và biến đổi phát triển gắn liền với cơ sở kinh tế và sản xuất nhất định.Trong xã hội ấy, theo Mác quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất (quan hệ kinh tế) là quan hệ cơ bản nhất quyết định tất cả các quan hệ khác. Một khi sản xuất phát triển, cách thức sản của con người thay đổi, năng suất lao động tăng, mức sống được nâng cao thì các mối quan hệ và mọi mặt của đời sống xã hội cũng thay đổi theo. Sản xuất vật chất hay kinh tế là cơ sở đầu tiên quan trọng nhất tham gia vào quá trình phát triển và hoàn thiện các chức năng cảu con người, thoả mãn các nhu cầu của con người và xã hội.Sản xuất vật chất, môi trường, tự nhiên, điều kiện xó hội…đòi hỏi thế lực, trí tuệ và nhân cách của con người phải phát triển thích ứng với nó. Yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế, phát triển sản xuất là cho khoa học kĩ thuật và điều kiện sinh hoạt xã hội, là nhân tố quan trọng hàng đầu của Lực lượng sản xuất. Sự phong phú và đa dạng của những quan hệ vật chất, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kĩ thuật và đời sống tinh thần trong quá trình sản xuất vật chất là cơ sở làm nảy sinh sự phong phú và đa dạng trong sự phát triển thể chất, năng lực và tinh thần của con người.Nói cho cựng thỡ trong hoạt động của con người, những nhu cầu về vật chất (kinh tế) bao giờ cũng giữ vai trò quyết định, chi phối và quy định mục đích hoạt động bởi vì con người phải trước hết ăn mặc, ở, rồi mới nghĩ đến vui chơi, giải trí. Hoạt động nhận thức của con người trước hết hướng tới mục tiêu cải biến tự nhiên nhằm thoả mãn nhu cầu sống. Hơn nữa, cuộc sống tinh thần của con người xét đến cùng bị chi phối và phụ thuộc vào việc thoả mãn nhu cầu vật chất và vào những điều kiện vật chất hiện có.Nền kinh tế của mỗi nước là cơ sở để nước đó thực hiện những chủ trương, biện pháp trong việc quản lí, đề ra những chiến lược phát triển kinh tế, chiến lược phát triển quân đội để đảm bảo trật tự an ninh và chủ quyền quốc gia. Căn cứ vào thực trạng của nền kinh tế, các tư tưởng và chính sách đổi mới phát triển kinh tế được đưa ra phù hợp và hiệu quả nhằm đem lại lợi ích  kinh tế cao cho xã hội, cũng đồng thời cho nhân dân. Tác dụng ngược trở lại, thể chế chính trị (ý thức) của một nước cũng rất quan trọng trong việc xây dựng đất nước. Chính trị ổn định là điều kiện tốt, tạo không khí yên ấm, thoải mái và tự do để mọi người, nhà nhà, các công ty, các tổ chức, hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội cống hiến và phát huy khả năng của mình để đem lại lợi ích cho bản thân mình và lợi cho xã hội.Nguyên lý triết học Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức đòi hỏi chúng ta phải xem xét tình hình các sự vật (Ở đây là nền kinh tế ) từ thực tế khách quan, tránh chủ chủ nghĩa chủ quan, duy ý trí, đồng thời phát huy vai trò năng động sáng tạo của ý thức, phát huy nỗ lực chủ quan  của con người (như hoạt động kinh tế của nước ta, trong công cuộc đổi mới do Đảng Cộng Sản Việt Nam khởi xướng đã chú trọng đến việc đề cao yếu tố con người, làm cho ý thức thay đổi mới thâm nhập vào các cơ sở kinh tế, vào đông đảo quần chúng).

### **1.3 Vận dụng mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong việc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta hiện nay:**

Như chúng ta đã biết, sau khi giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước, nền kinh tế miền Bắc còn nhiều nhược điểm. Cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, cơ cấu kinh tế nhiều mặt mất cân đối, năng suất lao động thấp, sản xuất chưa bảo đảm nhu cầu đời sống, sản xuất nông nghiệp chưa cung cấp đủ thực phẩm cho nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hoá cho xuất khẩu. Mặt khác nền kinh tế miền Bắc còn bị chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ tàn phá nặng nề. Ở miền Nam, sau 20 năm chiến tranh, nền kinh tế bị đảo lộn và suy sụp, nông nghiệp nhiều vùng hoang hoá, lạm phát trầm trọng…Trước tình hình đó, Đại hội Đảng lần thứ IV lại đề ra những chỉ tiêu kế hoạch năm 1976-1980 quá cao về xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất vượt quá khả năng của nền kinh tế, như năm 1975, phấn đấu đạt 20 triệu tấn lương thực, 1 triệu tấn cá biển, 1 triệu ha.khai hoang, 1 triệu 200 ha rừng mới trồng… 10 triệu tấn than sạch, 2 triệu tấn xi măng… Đặc biệt là đề ra việc xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí và đặt nhiệm vụ hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam.Những chủ trương sai lầm đó cùng với cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đã tác động xấu tới nền kinh tế, ảnh hưởng không tốt đến đời sống của nhân dân… Đến hết năm 1980, nhiều chỉ tiêu kinh tế đề ra chỉ đạt khoảng 50%-60% mức đề ra, nền kinh tế tăng trưởng rất chậm chạp: tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 1,5%, công nghiệp tăng 2,6%, nông nghiệp giảm 0,15%.Đại hội Đảng lần thứ V cũng chưa tìm ra được đầy đủ những nguyên nhân đích thực của sự trì trệ trong nền kinh tế của nước ta và cũng chưa đề ra được các chủ trương chính sách và toàn diện về đổi mới, nhất là kinh tế. Trong năm 1981-1985 chúng ta chưa kiên quyết khắc phục chủ quan, trì trệ trong bố trí cơ cấu kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và quản lí kinh tế, lại phạm những sai lầm mới trong lĩnh vực phân phối lưu thông. Nhìn chung, chúng ta chưa thực hiện được mục tiêu tổng quát do Đại hội lần thứ V đề ra là cơ bản ổn định tình hình kinh tế- xã hội, ổn định đời sống nhân dân.Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nhận định: “Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã sai phạm sai lầm chủ quan duy ý trí, vi phạm qui luật khách quan: Nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương”.Tất nhiên, ngoài những khuyết điểm chủ yếu nêu trên, cũn cú những nguyên nhân khách quan như hậu quả của nhiều năm chiến tranh, bối cảnh quốc tế…song chủ yếu là do chúng ta phạm sai lầm chủ quan, những sai lầm đó cùng với trì trệ trong công tác tổ chức cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển.Nhắc lại tình hình trên để thấy rõ tác động tiêu cực của ý thức (Ở đây là các chủ trương chính sách về quản lí) đối với vật chất (là nền kinh tế) và thấy tác động qua lại giữa kinh tế và chính trị trước khi có công cuộc đổi mới. Phép biện chứng duy vật khẳng định rằng nếu ý thức là tiêu cực thì sớm muộn sẽ bị đào thải.Vì vậy trước tình hình ngày càng nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội ở nước ta Đảng và nhà nước ta đã đi sâu nghiên cứu, phân tích tình hình lấy ý kiến rộng rãi của cơ sở, của nhân dân, và đặc biệt là đổi mới tư duy về kinh tế. Đại hội lần thứ VI của Đảng đã rút ra bốn kinh nghiệm lớn, trong đó có kinh nghiệm: phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hanh động theo qui luật khách quan. Đảng đã đề ra đường lối, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.Tại Đại hội VI Đảng ta đã tự phê bình một cách nghiêm khắc, đã phân tích đúng nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế xã hội, đề ra các định hướng mới đặc biệt là đổi mới kinh tế, đã thực hiện mục tiêu của ba chương trình kinh tế: lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất, hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, thừa nhận sự tồn tại của kinh tế tiểu tư sản, sản xuất hàng hoá và kinh tế tư bản tư nhân, đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá- tiền tệ. Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, những diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh tế và xã hội của nước ta, nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới: công cuộc đổi mới. Và đến Đại hội Đại Biểu toàn Quốc lần thứ VII ta đã đánh giá tình hình kinh tế chính trị xã hội Việt Nam sau bốn năm thực hiện đường lối đổi mới: công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng.Tình hình chính trị của đất nước ổn định, nền kinh tế có những chuyển biến tích cực, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước, nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn, tốc độ lạm phát được kìm chế bớt, đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện. So với trước đây thì mức độ khủng hoảng đã giảm bớt. Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy…Qua những dẫn chứng trên, ta thấy rõ tác động qua lại giữa ý thức và vật chất, giữa kinh tế và chính trị. Nhờ có đường lối đổi mới, sản xuất phát triển, đời sống của nhân dân nói chung được cải thiện, mức độ khủng hoảng đã giảm bớt, do đó đã góp phần ổn định tình hình chính trị của đất nước, góp phần vào việc phát huy dân chủ trong xã hội. Không chủ quan với những thành tựu đã đạt được, Đại hội VII đã chỉ ra những tồn tại lớn cần giải quyết, đặc biệt về mặt kinh tế đó là: lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tăng lờn…Đồng thời cũng tự phê bình về việc chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới, còn nhiều lúng túng và sơ hở trong điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường… Đặc biệt, Đại hội cũng xác định: “Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị tập trung sức đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân và làm việc, các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành đổi mới trong lĩnh vực chính trị”.Như vậy, rõ ràng Đảng cộng sản Việt Nam ngày càng vận dụng đúng đắn phương pháp luận duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức vào công cuộc đổi mới, tiến hành đổi mới kinh tế trước để tạo điều kiện đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đại hội VII, sau khi đã phân tích sâu sắc đặc điểm tình hình quốc tế và trong nước đã đề ra mục tiêu tổng quát vào các mục tiêu cụ thể, những phương châm chỉ đạo trong 5 năm 1991- 1995 đặc biệt đáng chú ý là phương châm kết hợp động lực kinh tế với động lực chính trị tinh thần, phương châm tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ đưa công tác đổi mới đi vào chiều sâu với bước đi vững chắc lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác.Nói về Đảng trong công cuộc đổi mới, báo cáo chính trị trước Đại hội đã nhận xét: ” Nét nổi bật là trong Đảng đó cú sự đổi mới tư duy về kinh tế với tinh thần độc lập sáng tạo, Đảng đã cụ thể hoá và phát triển nghị quyết Đại hội VII, bước đầu hình thành hệ thống các quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới ở nước ta”.Sau Đại hội lần thứ VII, Ban chấp hành TW Đảng (khoá VII) đã đề ra các nghị quyết hội nghị Trung ương 2, 3, 4, và 5 để cụ thể hoá và phát triển đường lối Đại hội VII, giải quyết một loạt vấn đề cụ thể trên nhiều lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ đó đánh giá thành tựu to lớn có ý nghĩa hàng đầu là đã khắc phục được một bước rất quan trọng tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội…khắc phục được nhiều mặt đình đốn, suy thái, tốc độ tăng trưởng khá và liên tục trong 3 năm qua. Lạm phát được đẩy lùi từ 67% năm 1991 xuống còn 17,5% năm 1992 và còn 5,2% năm 1993. Tổng sản phẩm trong nước GDP tăng bình quân 8,2% (mức đề ra cho năm 1991- 1995 là 5,5- 6,5%). Sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện, sản lượng lương thực 5 năm qua tăng 26% so với 5 năm trước đó, tạo điều kiện cơ bản để ổn định đời sống nhân dân, phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, vấn đề lương thực được giản quyết tốt. Sản xuất công nghiệp đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm 13,3 % (mức kế hoạch là 7,5% – 8,5%).Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng theo hướng đa dạng hoá và đa phương hoá, thị trường xuất nhập khẩu được củng cố và mở rộng, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh…tăng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991 – 1995 đạt trên 17 tỷ USD (kế hoạch là 12 – 15 tỷ USD), đảm bảo nhập các loại vật tư, thiết bị và hàng hoá đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống, góp phần cải thiện cán cân thanh toán thương mại…Khoa học công nghệ có bước phát triển, đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển của nước ta, phục vụ cho việc xây dựng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Lĩnh vực văn hoá – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân được cải thiện một bước. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.Hội nghị Đại biểu toàn quốc cũng nêu lên thành tựu về tiếp tục giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị, về mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.Như vậy, ở đây lại càng thấy rõ tác động của kinh tế đối với chính trị và xã hội, đối với công tác đối ngoại, công tác quốc phòng và an ninh… Đổi mới kinh tế quyết định nhưng các nhân tố chính trị, xã hội, đối ngoại cũng ảnh hưởng tích cực trở lại một cách biện chứng đối với kinh tế. Vân dụng đúng đắn các qui luật của phép biện chứng duy vật. Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì cũng vạch ra những mặt yếu kém về kinh tế, nền kinh tế vẫn còn mang tích chất kinh tế nông nghiệp lạc hậu, công nghiệp nhỏ bé, kết cấu hạ tầng kém phát triển, kinh tế tuy tăng trưởng khá nhưng năng suất, chất lượng, hiệu quả còn thấp…và những vấn đề tồn tại lớn về mặt văn hoá, xã hội…Để có những chủ trương và biện pháp giải quyết Hội nghị đã dự đoán những thách thức lớn và những cơ hội lớn trong thời gian tới, từ đó đề ra những nhiệm vụ chủ yếu: thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, thực hiện chính sách nhất quán phát triển kinh tế nhiều thành phần, xây dựng đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng của xã hội chủ nghĩa, chăm lo các vấn đề văn hoá – xã hội, đảm bảo quốc phòng và an ninh, xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân, do dân và vì dân, đổi mới chỉnh đốn Đảng, củng cố mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.Sau hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kì, TW Đảng (khoá VII) ra nghị quyết về phát triển công nghiệp, công nghệ mới đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Cải cách một bước nền hành chính Nhà nước (Hội nghị lần thứ VIII ban chấp hành TW Đảng từ 16-23/1/1995). Với nội dung của Hội nghị TW  lần thứ VIII, có thể núi đó hoàn thành trương trình cụ thể hoá một bước cương lĩnh và chiến lược phát triển kinh tế xã hội mà Đại hội VII đã thông qua.Với sự thành công của công cuộc đổi mới hơn mười năm (1986 -1995), chúng ta càng có cơ sở để khẳng định rằng, công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế phát triển khách quan của lịch sử tức là chúng ta phải thừa nhận giai đoạn phát triển kinh tế thị trường mà trước đây chúng ta đã phủ nhận nó mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chủ nghĩa tư bản.Trước đây, Đảng ta đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo chủ nghĩa xã hội, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần: đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp; có nhiều chủ trương sai lầm trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương; công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng. Quán triệt nguyên tắc khách quan khắc phục bệnh chủ quan duy ý chí là nhiệm vụ của Đảng, toàn nhân dân ta, nhiệm vụ này chỉ được thực hiện nếu chúng ta kết hợp chặt chẽ giữa nhiệt tình cách mạng và tri thức khoa học.Và trên cơ sở nghiên cứu tình hình các nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới, những đặc điểm của chủ nghĩa xã hội và tình hình thực tế của nước ta để vận dụng một cách tổng hợp các mặt mạnh, hạn chế các mặt yếu của chủ nghĩa tư bản, và đã đưa ra phương châm phát triển kinh tế Việt Nam sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, qua thực tiễn 10 năm đổi mới, chúng ta cũng nhận thức rõ là không chờ kinh tế phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.Trên tình hình đó, cùng với những kinh nghiệm đã thu được qua những năm đổi mới, ở Đại hội VIII lần này cũng đã đi từ thức tế khách quan, đánh giá những đặc điểm của tình hình kinh tế, chính trị xã hội Việt Nam, những thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ. Đảng ta cũng đã nhận định thuận lợi và khó khăn, thời cơ va nguy cơ đan xen nhau vì vậy chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới: đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng.Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào cương lĩnh của Đảng, cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.Và thực tế trong những năm qua, với những chính sách, chương trình phát triển kinh tế chính trị xã hội, chính sách ngoại giao hợp lý, chúng ta đã đạt được những bước tiến rất quan trọng, bình thường hoá quan hệ với Mỹ, là thành viên của khối ASEAN (Hiệp hội các nước Đông Nam Á). Đặc biệt năm 1998 ta đã trở thành thành viên của khối APEC ( Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương)…Từ chỗ bị bao vây cấm vận nay ta đã bình thường hoá được tất cả các nước lớn, có quan hệ ngoại giao với 167 nước, quan hệ thương mại với 120 nước, Đồng thời cân bằng quan hệ với các nước lớn, phát triển quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng trong khu vực. Điều đó có ý nghĩa to lớn trong việc giữ vững môi trường hoà bình ổn định, là nền tảng xây dựng và bảo vệ tổ quốc.Tăng trưởng GDP tiếp tục tăng cao, năm 1996 là 9,3%, năm 1997 là 8,2%, năm 1998 là 5,8% (Do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực). Lạm phát vẫn được giữ ở mức dưới 10%. Tốc độ tăng trưởng của công nghiệp vẫn đạt hai con số… Đời sống của nhân dân ngày càng được ổn định và nâng cao.Như vậy, công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo ngày càng được cụ thể hoá và đi vào chiều sâu được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng và hăng hái thực hiện, chính vì Đảng ngày càng nắm vững và vận dụng đúng đắn sáng tạo phương pháp luận triết học toàn diện Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế là rất rõ ràng. Chỉ xin đơn cử một ví dụ về sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực thực phẩm trong công cuộc đổi mới: từ năm 1988 trở về trước, đất nước ta vẫn trong tình trạng triền miên thiếu lương thực. Mỗi năm phải nhập khẩu hơn hàng chục vạn tấn lương thực cho nhu cầu trong nước, năm cao nhất phải nhập khẩu hơn 1 triệu tấn. Tình hình đó đã là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến khủng hoảng kinh tế xã hội ngày càng nghiêm trọng.Các đông chí TW Đảng và một số địa phương (Vĩnh Yên, Hải Hưng..) đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân và biện pháp giải quyết. Sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực chỉ thực sự từng bước khởi sắc kể từ khi thực hiện chỉ thị 100 của Ban Bí thư TW Đảng về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động, đặc biệt là từ khi thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị TW Đảng (5/4/1988) về đổi mới quản lý nông nghiệp. Chỉ một năm sau khi thực hiện nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, sản xuất lương thực đạt 21 triệu 516 ngàn tấn bình quân lương thực đầu người đạt 333 Kg; xuất nhập khẩu 1 triệu 405 tấn gạo. Những năm tiếp theo đó cho đến nay, sản xuất lương thực, cũng như sản xuất nông nghiệp nói chung vẫn tiếp tục phát triển, năm sau cao hơn trước từ 1,2 đến 10%. Năm 1994, mặc dù thiên tai gay gắt ở cả hai miền làm thiệt hại đến hơn 1 triệu tấn nhưng sản lượng lương thực vẫn đạt 26 triệu tấn, mức cao nhất từ trước tới nay, tăng 2,7% so với năm trước, lượng gạo xuất khẩu vẫn đạt hơn 2 triệu tấn.Từ thiếu ăn triền miên, Việt Nam trong 6 năm qua đã vươn lên đứng hàng thứ ba trong những nước xuất khẩu gạo trên thế giới. Do sản xuất nông nghiệp phát triển, bộ mặt nông nghiệp ngày càng thay đổi, đời sống nông dân ngày càng được cải thiện, lòng tin vào chế độ được củng cố. Thắng lợi trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực là một thành tích nổi bật trong quá trình đổi mới nền kinh tế đất nước góp phần đưa đất nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, và là biểu hiện rất rõ nét của mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế đất nước như về tăng trưởng tổng sản phẩm quốc dân, về tốc độ thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, về xuất khẩu…Đổi mới là sự nghiệp khó khăn chưa có tiền tệ nhưng thực tiễn những năm qua đã chứng tở đường lối đổi mới, chủ trương chính sách lớn về đổi mới, chủ trương chính sách lớn lớn về đổi mới là rất đúng đắn, bước đi là thích hợp. Xây dựng chủ nghĩa xã hội còn là sự nghiệp rất mới mẻ, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải phát huy cao độ vai trò của nhân tố chủ quan của tính năng động chủ quan, đòi hỏi nhiều công phu nghiên cứu để khám phá, tìm tòi ra mô hình thích hợp với thực tiễn Việt Nam.Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những biến động nhiều mặt của đất nước ta trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội càng đòi hỏi chúng ta phải kiên trì giữ vững lòng tự tin, quyết tâm khắc phục khó khăn đồng thời phải tỉnh táo thông minh, nhạy cảm để thích ứng kịp thời với tình hình thực tế biến đổi từng ngày, từng giờ phải có một cuộc sống năng động chủ quan kết hợp chặt chẽ sự nhạy cảm giữa sự phát triển của khoa học kĩ thuật với tình hình chung của đất nước ta hiện nay rõ ràng việc làm bền sự thống nhất giữa nhiều tình ý thức cách mạng và tri thức khoa học là hết sức cấp bách và cần thiết. Bởi vì trí thức khoa học khoa học có được hay không cũng nhờ lòng hiểu biết, trí thông minh, ý trí quyết tâm học tập và nhận thức khoa học. Ngược lại nếu trí thức khoa học phải phát huy được tác dụng trong thực tế thì nó lại trở thành động lực tăng thêm ý trí và nhiệt tình cách mạng.Người cán bộ kinh tế phải quán triệt sâu sắc và tận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trước hết là phương pháp luận toàn diện và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu, đề xuất và áp dụng các chủ trương chính sách về kinh tế, các phương pháp, cơ chế quản lý kinh tế tài chính theo tinh thần đổi mới để thúc đẩy nền kinh tế nước ta vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, tránh khỏi nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện xoá bỏ cơ chế quan liêu bao cấp cũng có nghĩa là đòi hỏi người làm công tác quản lý kinh tế chân chính phai năng động sáng tạo, nhạy bén, nắm bắt được thực tế và quy luật vận động và phát triển của nó. Kinh nghiệm cho thấy rằng, đôi khi

**1.4 Kết luận**

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự nghiệp rất khó và phức tạp, có thể coi nó như một công cuộc kháng chiến trường kỳ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những biến động nhiều của đất nước ta trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội càng đòi hỏi Đảng và nhà nước ta phải kiên trì, kiên định, giữ vững lòng tin, quyết tâm khắc phục khó khăn đồng thời phải tỉnh táo, thông minh nhạy bén để thích ứng kịp thời với tình hình thực tế biến đổi từng ngày, từng giờ.

Quán triệt phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng thành thạo phép duy vật duy vật biện chứng vào việc nghiên cứu và quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ hơn nữa quan hệ biện chứng giữa kinh tế và chính trị trong công cuộc đổi mới nhằm tăng trưởng nền kinh tế quốc dân, nhất định chúng ta sẽ trở thành những cán bộ quản lý kinh tế giỏi góp phần xứng đáng vào công cuộc đổi mới kinh tế đất nước, tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam cất cánh, để từ đó nâng cao hơn nữa vị trí Việt Nam trên chiến trường quốc tế, góp phần củng cố hơn nữa sự ổn định về chính trị của đất nước. Đó là đường lối là trách nhiệm của những nhà quản lí kinh tế, chính trị của chúng ta. Nâng cao hơn nữa vị trí Việt Nam trên chiến trường quốc tế, góp phần củng cố hơn nữa sự ổn định về chính trị của đất nước. Đó là đường lối là trách nhiệm của những nhà quản lí kinh tế, chính trị của chúng ta.

**KẾT LUẬN**

Qua đề tài trên, chúng ta hiểu được mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là mối quan hệ tác động lẫn nhau .Khẳng định rõ vật chất luôn mang tính quyết định nhất, ý thức luôn bị chi phối nhưng ý thức lại có tác động trở lại vô cùng quan trọng đối với vất chất . Ý thức có thể làm cho vật chất phát triển, biến đổi nhu cầu, ý muốn, nhưng đồng thời nó cũng có thể làm cho vật chất không phát triển , bị kiềm hảm . Chúng ta phải hiểu đúng nguyên lý, điều kiện về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức có vai trò quan trọng trong việc đổi mới và phát triển kinh tế chính trị nước ta . Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự nghiệp rất khó và phức tạp, có thể coi nó như một công cuộc kháng chiến trường kỳ của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những biến động nhiều của đất nước ta trong quá trình đổi mới toàn diện xã hội càng đòi hỏi Đảng và nhà nước ta phải kiên trì, kiên định, giữ vững lòng tin, quyết tâm khắc phục khó khăn đồng thời phải tỉnh táo, thông minh nhạy bén để thích ứng kịp thời với tình hình thực tế biến đổi từng ngày, từng giờ. Tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam cất cánh, để từ đó nâng cao hơn nữa vị thế Việt Nam trên chiến trường quốc tế, góp phần củng cố hơn nữa sự ổn định về chính trị của đất nước. Đó là đường lối là trách nhiệm của những nhà quản lí kinh tế, chính trị của chúng ta.

Việc đất nước ta vận dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lenin vào công cuộc xây dựng đổi mới và phát triển kinh tế chính trị ở nước ta thật sự cần thiết . Không có khoa học, không có sự phát triển mạnh mẽ nguồn lực trí tuệ thì không thể dẫn dắt xã hội đi tới văn minh, hiện đại. Do đó, phải quy tụ mọi tài năng của công dân, tập hợp trí tuệ và phát huy sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc. Đảng phải đứng ở đỉnh cao và là chỗ kết tinh tài năng ý chí chỉ đạo, bản lĩnh giai cấp và dân tộc, biểu hiện tinh thần thời đại.Chúng ta có quyền hi vọng trở thành một đất nước công nghiệp hóa , hiện đại hóa và mỗi chúng ta có nghĩa vụ góp sức mình vào quá trình xây dựng đất nước hiện nay, mỗi ngày trôi qua đất nước phải càng ngày càng phát triển .

**HẾT**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sách giáo trình triết học Mác – Lênin
2. Sách giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (năm 2019 )

Tác giả : GS.TS Hoàng Chí Bảo